

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 106/2019/DS-ST
Ngày: 11/10/2019
V/v tranh chấp **Hợp đồng tín dụng.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tôn Phước Thuận.

2. Ông Ngô Văn Mừng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Anh Tuấn, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp **“Hợp đồng tín dụng”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 389/2019/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại Đ; trụ sở:, 35 Hàng V, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của ông Phan Đức T: Ông Nguyễn Văn Bé T1 - Chức vụ: Quyền Giám đốc chi nhánh Ngân hàng thương mại Đ. Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 906/QĐ-BIDV ngày 25/11/2018).

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Văn Bé T1: Ông Trương Thanh T2 – Sinh năm 1988. Chức vụ: Chuyên viên khách hàng phòng giao dịch Chợ Mới – Ngân hàng thương mại Đ – Chi nhánh An Giang. Là đại diện ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 531/QĐ-BIDV.AG ngày 10/10/2019).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai của nguyên đơn do ông Nguyễn Minh C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 28/10/2015, bà Nguyễn Thị Thanh T3 có ký hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐ với Ngân hàng thương mại Đ(gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 30.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng phục vụ đời sống, thời hạn vay là 36 tháng, kể từ ngày 28/10/2015 đến hết ngày 28/10/2018, lãi suất cho vay 10,2%/năm, lãi suất được điều chỉnh 06 tháng/lần, theo thông báo của ngân hàng, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Lịch trả nợ gốc hàng tháng (từ 11/2015 đến 10/2018 trả 835.000.000 đồng/tháng, riêng ngày 28/11/2018 trả 775.000 đồng). Hình thức vay tín chấp.

Sau khi ký kết hợp đồng thì Ngân hàng đã giải ngân cho bà T3 đủ số tiền nói trên theo giấy nhận nợ cùng ngày. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà T3 có trả vốn gốc: 18.370.000 đồng, lãi 4.010.262 đồng, tổng cộng 22.380.262 đồng thì ngưng cho đến nay, mặc dù Ngân hàng có nhắc nhở bà T3 nhiều lần nhưng bà vẫn không thực hiện và số nợ này nay đã quá hạn. Nay yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T3 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay còn nợ 11.630.000 đồng, lãi 2.130.386 đồng (tính đến ngày 07/3/2019) và tiền lãi phát sinh trên vốn gốc 11.630.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐ từ ngày 08/3/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Đối với việc xác nhận của đơn vị (Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Luông), nơi bà T3 công tác tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐ ngày 28/10/2015 thì phía đơn vị của bà T3 có trách nhiệm đơn đốc, nhắc nhở cán bộ, công nhân viên thuộc Cơ quan, tổ chức mình quản lý có trách nhiệm trả nợ đúng theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng và Thông báo cho phía Ngân hàng biết khi có cán bộ, công nhân viên chức nghỉ việc hay điều động công tác để Ngân hàng biết để thu hồi nợ đối với những người đã vay vốn tại Ngân hàng nên Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Luông không có trách nhiệm liên quan trong vụ kiện này và thời điểm bà T3 vay tiền của Ngân hàng thì bà T3 đã có chồng là ông Trương Tấn Trung, sinh năm 1983, nhưng bà T3 vay tiền của Ngân hàng với tư cách cá nhân, với hình thức tín chấp. Do đó, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án đưa Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Luông và ông Trương Tấn Trung vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T2 đại diện Ngân hàng xác định yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T3 trả vốn gốc còn nợ 11.630.000 đồng, lãi 3.832.528 đồng (tính đến ngày 10/10/2019) và tiền lãi phát sinh trên vốn gốc 11.630.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐ từ ngày 11/10/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi bà T3 thanh toán hết nợ. Ông T2 xác định do mục đích bà T3 vay tiền của Ngân hàng là để tiêu dùng cá nhân nên Ngân hàng không yêu cầu chồng bà T3 cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T3 được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến và hòa giải được.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Ngày 28/10/2015, giữa Ngân hàng thương mại Đ – Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch Chợ Mới với bà Nguyễn Thị Thanh T3 ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐ vay 30.000.000 đồng, lãi suất 10,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng. Cho vay theo hình thức tín chấp.

Trong quá trình vay vốn bà T3 đã trả vốn 18.370.000 đồng, lãi 4.010.262 đồng, tổng cộng 22.380.262 đồng thì ngưng không tiếp tục trả cho Ngân hàng. Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu bà T3 trả nợ vốn 11.630.000 đồng, lãi tính đến ngày 10/10/2019 là 3.832.528 đồng, tổng cộng 15.462.528 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐ ngày 28/10/2015 trên số dư nợ chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bà T3 được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và được giải ngân công ngày 28/10/2015 với số tiền 30.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T3 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả 15.462.528 đồng (vốn 11.630.000 đồng, lãi tính đến ngày 10/10/2019 là 3.832.528 đồng) và tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐ ngày 28/10/2015 trên số dư nợ chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong là phù hợp Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự và Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng thương mại Đ khởi kiện bà Nguyễn Thị Thanh T3. Bà T3 có nơi cư trú tại ấp M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T3 là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa hôm nay ông T2 đại diện Ngân hàng yêu cầu bà T3 trả vốn gốc còn nợ 11.630.000 đồng, lãi 3.832.528 đồng (tính đến ngày 10/10/2019) và tiền lãi phát sinh trên vốn gốc 11.630.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐ từ ngày 11/10/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi bà T3 thanh toán hết nợ. Xét thấy, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[4] Đối với Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Luông (gọi tắt là Ủy ban), Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ theo xác nhận của Ủy ban trong hợp đồng tín dụng mà bà T3 ký kết với Ngân hàng thì phía Ủy ban chỉ có nghĩa vụ nhắc nhở, đôn đốc cán bộ thuộc quyền quản lý của Cơ quan mình để thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng và Ủy ban cũng không bảo lãnh số tiền vay của cá nhân bà T3 với Ngân hàng. Bên cạnh đó, phía Ngân hàng cũng đề nghị Tòa án không đưa Ủy ban vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do đó, Tòa án không đưa Ủy ban vào tham gia tố tụng là có cơ sở.

[5] Theo hồ sơ thể hiện bà T3 có chồng là ông Trương Tấn Tr, số nợ của bà T3 phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, tuy nhiên theo hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng với bà T3 thể hiện mục đích bà T3 vay tiền là tiêu dùng cá nhân. Quá trình làm việc và tại phiên Tòa hôm nay Ngân hàng không yêu cầu chồng bà T3 cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, Tòa án không đưa chồng bà T3 vào tham gia tố tụng là có cơ sở.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐ ngày 28/10/2015 ký kết giữa Ngân hàng với bà T3 được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng tín dụng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ theo hợp đồng tín dụng đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía bà T3 không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn cho Ngân hàng để phát sinh nợ quá hạn là vi phạm nghĩa vụ của người vay theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Do đó, việc Ngân

hàng khởi kiện bà T3 yêu cầu trả vốn gốc còn nợ **11.630.000** đồng, lãi 3.832.528 đồng (tính đến **ngày 10/10/2019**), tổng cộng 15.462.528 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, Điều 91 và Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010.

[7] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có yêu cầu bà T3 phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐ ngày 28/10/2015 đã ký kết từ ngày 11/10/2019 cho đến khi bà T3 thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, theo hợp đồng tín dụng có thỏa thuận mức lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn. Do bà T3 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng cho đến khi bà T3 thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng là phù hợp với Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

[8] Từ những phân tích trên, có cơ sở buộc bà Nguyễn Thị Thanh T3 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại Đ số tiền vốn và lãi (tính đến ngày 10/10/2019) tổng cộng 15.462.528 đồng và buộc bà Nguyễn Thị Thanh T3 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng cho đến khi bà T3 thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bà T3 phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại Đ đối với bà Nguyễn Thị Thanh T3.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T3 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại Đ số tiền vốn **11.630.000** đồng, lãi 3.832.528 đồng (tính đến **ngày 10/10/2019**), tổng cộng 15.462.528 đồng (Mười lăm triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm hai mươi T1 đồng).

+ Kể từ ngày 11/10/2019, bà Nguyễn Thị Thanh T3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐ ngày 28/10/2015 cho đến khi bà T3 thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại Đ thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Thanh T3 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại Đ theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Đ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: 773.126 đồng (bảy trăm bảy mươi ba nghìn, một trăm hai mươi sáu đồng) bà Nguyễn Thị Thanh T3 phải chịu.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 359.000 đồng (Ba trăm năm mươi chín nghìn đồng) cho Ngân hàng thương mại Đ do Ngân hàng thương mại Đ – Chi nhánh An Giang đại diện nhận theo biên lai thu số 0013088 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới cấp ngày 22/5/2019.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

